

Số: 02/2026/TT-BTP

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định phân cấp thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý
trong các lĩnh vực ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và
đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều
tại Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật Đấu thầu số
22/2023/QH15 được sửa đổi bổ sung một số điều của tại Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định quản lý đầu
tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được
sửa đổi bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc lập dự
toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để
mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa,
dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình
trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;*

*Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý
tài sản công là nhà, đất; Nghị định 77/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm
quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản
được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 09/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 141/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định phân cấp thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý trong các lĩnh vực ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này quy định phân cấp thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

b) Nội dung về thẩm quyền quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin không được quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với: Các đơn vị dự toán ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Bộ Tư pháp; các đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý dự án, chương trình thuộc Bộ Tư pháp; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc phân cấp quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Tư pháp.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

Việc phân cấp thẩm quyền quản lý của Bộ trưởng trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phải đảm bảo tuân thủ các quy định về phân cấp tại Luật Tổ chức Chính phủ và các nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm sự quản lý thống nhất, toàn diện trong lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin đối với các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp.

2. Bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục khi quyết định các nội dung về quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; phù hợp với mô hình tổ chức, tính chất hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp.

3. Bảo đảm phù hợp với năng lực chuyên môn của các đơn vị, đáp ứng mục tiêu đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm bớt khâu trung gian, giảm thiểu các chi phí tổ chức thực hiện, phát huy trách nhiệm, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị và trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường tính chủ động và linh hoạt trong việc thực hiện nhiệm vụ.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền trong quản lý ngân sách

1. Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự có thẩm quyền:

a) Quyết định phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (bao gồm dự toán kinh phí thực hiện) của Văn phòng Cục Quản lý Thi hành án dân sự và các Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

b) Quyết định phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh các nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi từ nguồn thường xuyên (giao không tự chủ

tài chính) để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của Văn phòng Cục Quản lý Thi hành án dân sự và các Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

c) Quyết định phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh các nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi từ nguồn thường xuyên (giao không tự chủ tài chính) để thực hiện các nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 45 tỷ đồng của Văn phòng Cục Quản lý Thi hành án dân sự và các Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố. Riêng đối với các nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 5, Thông tư này.

2. Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách, các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Bộ, các đơn vị sự nghiệp công lập, các Ban quản lý dự án có thẩm quyền:

a) Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (bao gồm dự toán kinh phí thực hiện) theo quy định về tổ chức và hoạt động của đơn vị mình và đơn vị dự toán trực thuộc (nếu có).

b) Quyết định phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh các nhiệm vụ chi từ nguồn thường xuyên (giao không tự chủ tài chính) để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị mình và đơn vị dự toán trực thuộc (nếu có).

3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách, các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Bộ, các đơn vị sự nghiệp công lập có thẩm quyền:

Quyết định phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh các nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi từ nguồn thường xuyên (giao không tự chủ tài chính) để thực hiện các nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 45 tỷ đồng của đơn vị mình và đơn vị dự toán trực thuộc. Riêng đối với các nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 5, Thông tư này.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền trong quản lý đầu tư xây dựng

1. Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định việc dừng chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của Cục, nguồn thu của Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố dành để đầu tư.

b) Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư; phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và các nội dung khác thuộc thẩm quyền cấp quyết

định đầu tư đối với dự án nhóm B, nhóm C khối cơ quan Thi hành án dân sự địa phương sử dụng vốn đầu tư công.

c) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng khối cơ quan Thi hành án dân sự địa phương và dự án đã đầu tư xây dựng do Cục trực tiếp quản lý có tổng dự toán kinh phí thực hiện dưới 20 tỷ đồng/nhiệm vụ sử dụng vốn chi thường xuyên.

d) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và các nội dung khác thuộc thẩm quyền cấp quyết định đầu tư dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng do Cục trực tiếp quản lý; do các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương quản lý sử dụng vốn chi thường xuyên.

đ) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh tiêu chuẩn diện tích chuyên dùng khối cơ quan Thi hành án dân sự địa phương (không bao gồm diện tích chuyên dùng của Cục Quản lý Thi hành án dân sự).

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Bộ có thẩm quyền:

a) Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định việc dừng chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư; phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và các nội dung khác thuộc thẩm quyền cấp quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị mình dành để đầu tư.

b) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng do đơn vị mình quản lý (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập) có tổng dự toán kinh phí thực hiện không quá 20 tỷ đồng/nhiệm vụ sử dụng vốn chi thường xuyên.

c) Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và các nội dung khác thuộc thẩm quyền cấp quyết định đầu tư đối với nhiệm vụ do đơn vị phê duyệt tại điểm b, Khoản 2, Điều này.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có thẩm quyền:

a) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục

công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng do đơn vị mình quản lý có tổng dự toán kinh phí thực hiện không quá 20 tỷ đồng/nhiệm vụ sử dụng vốn chi thường xuyên.

b) Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và các nội dung khác thuộc thẩm quyền cấp quyết định đầu tư đối với nhiệm vụ do đơn vị phê duyệt tại điểm a Khoản 3 Điều này.

c) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh tiêu chuẩn diện tích chuyên dùng của đơn vị mình và của các đơn vị trực thuộc đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

4. Chủ đầu tư dự án Quyết định hình thức tổ chức quản lý dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền trong quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin

1. Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư; phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và các nội dung khác thuộc thẩm quyền cấp quyết định đầu tư đối với dự án công nghệ thông tin nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do cơ quan Thi hành án dân sự địa phương làm chủ đầu tư.

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Bộ quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định việc dừng chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư; điều chỉnh quyết định đầu tư; phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành dự án công nghệ thông tin nhóm B, nhóm C sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị mình dành để đầu tư.

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ có thẩm quyền:

a) Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; quyết định hình thức tổ chức quản lý dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin do đơn vị mình làm chủ đầu tư.

b) Quyết định việc mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản trang thiết bị; phê duyệt Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin của đơn vị mình sử dụng kinh phí chi thường xuyên đã được Bộ trưởng phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí (không bao gồm nhiệm vụ công nghệ thông tin phải lập dự án).

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công

1. Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự có thẩm quyền đối với các tài sản công thuộc phạm vi quản lý:

a) Quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc nhưng bảo đảm tổng số xe sau khi phân bổ của tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị này không vượt quá tổng số lượng xe được Bộ Tư pháp xác định cho Cục Quản lý Thi hành án dân sự.

b) Quyết định phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung.

c) Quyết định thanh lý, bán, tiêu hủy, xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại.

d) Lập, điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý đối với nhà, đất.

đ) Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ nhà, đất).

e) Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao đã xác định đơn vị là chủ thể tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài sản.

g) Quyết định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa hoặc định mức chi bảo dưỡng, sửa chữa áp dụng đối với tài sản công.

h) Quyết định điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh trong trường hợp điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

i) Quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh trang bị tại phòng làm việc hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao.

k) Quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng, bao gồm: thang máy; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống chiếu sáng; hệ thống thông tin; điều hòa; camera; âm thanh; thiết bị vệ sinh; bàn, ghế hội trường, phòng họp; máy phát điện; máy bơm nước; tivi; màn hình LED; máy chiếu; các máy móc, thiết bị khác.

l) Quyết định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác; Quyết định mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị.

m) Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (đối với dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng) (không bao gồm hình thức điều chuyển tài sản ra ngoài các đơn vị khác).

n) Quyết định tiêu chuẩn, định mức tài sản chuyên dùng, tài sản đặc thù, tài sản vô hình.

o) Quyết định khai thác tài sản công.

2. Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính có thẩm quyền:

a) Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các đơn vị dự toán thuộc Bộ.

b) Quyết định thanh lý, bán, tiêu hủy, xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô của các đơn vị dự toán thuộc Bộ.

3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách, các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Bộ, các đơn vị sự nghiệp công lập có thẩm quyền đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý:

a) Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao đã xác định đơn vị là chủ thể tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài sản.

b) Quyết định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa hoặc định mức chi bảo dưỡng, sửa chữa áp dụng đối với tài sản công.

c) Quyết định điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh trong trường hợp điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

d) Quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh trang bị tại phòng làm việc hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao.

đ) Quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng, bao gồm: thang máy; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống chiếu sáng; hệ thống thông tin; điều hòa; camera; âm thanh; thiết bị vệ sinh; bàn, ghế hội trường, phòng họp; máy phát điện; máy bơm nước; tivi; màn hình LED; máy chiếu; các máy móc, thiết bị khác.

e) Quyết định mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các chức danh và đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác; Quyết định mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị.

g) Quyết định thanh lý, bán, tiêu hủy, xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, xử lý vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công, xử lý vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án theo quy định đối với tài sản công được giao quản lý, sử dụng. Ngoại trừ các nội dung được quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

h) Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án đối với dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng (không bao gồm hình thức điều chuyển tài sản ra ngoài các đơn vị thuộc phạm vi quản lý).

i) Phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

k) Quyết định khai thác tài sản công.

l) Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Chương III

QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM KIỂM TRA

Điều 7. Quyền hạn và nghĩa vụ của các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện phân cấp

1. Cục Kế hoạch - Tài chính

a) Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các quy định tại Thông tư này của các cơ quan, tổ chức được phân cấp thẩm quyền.

b) Giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp tổng hợp, xây dựng Kế hoạch tổng thể kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp thẩm quyền quy định tại Thông tư này; tổ chức thực hiện kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp thẩm quyền quy định tại Thông tư này.

c) Tổng hợp, đề xuất Bộ trưởng Bộ Tư pháp các trường hợp phải tạm dừng việc phân cấp thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này.

2. Đơn vị, cá nhân được phân cấp thẩm quyền

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Tư pháp về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; việc thực hiện trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật đối với các nội dung được phân cấp.

b) Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp về tổng hợp dự toán đã phân bổ, giao, điều chỉnh của các đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý để kiểm tra.

c) Báo cáo đột xuất về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

d) Tự kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị mình đối với nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật chuyên ngành.

đ) Theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các quy định tại Thông tư này của các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc đơn vị mình.

e) Kịp thời đề xuất, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét điều chỉnh, bổ sung hoặc tạm dừng quy định về phân cấp phù hợp quy định của pháp luật, yêu cầu công tác của đơn vị và các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được phân cấp.

Điều 8. Kiểm tra hành chính việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp

1. Nguyên tắc kiểm tra

a) Đảm bảo không chồng chéo về nội dung, đối tượng, thời kỳ kiểm tra giữa các đơn vị và không chồng chéo với các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về kế hoạch thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

b) Đảm bảo tính độc lập, trung thực, khách quan, công khai và minh bạch; đúng trình tự, nội dung, thời gian theo quy định.

c) Việc kiểm tra không làm cản trở hoạt động bình thường của đơn vị, cá nhân được kiểm tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

d) Việc kiểm tra phải được lập thành Biên bản ghi nhận đầy đủ thông tin, kịp thời xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý; tuân thủ quy định, trình tự, thời hạn theo quy định pháp luật.

2. Phương thức thực hiện kiểm tra

a) Phương thức tự kiểm tra.

b) Phương thức kiểm tra định kỳ, đột xuất theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc khi có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, quản lý, sử dụng tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Đơn vị thực hiện kiểm tra

Các cơ quan sau đây có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp của các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Thông tư này:

a) Đối với phương thức tự kiểm tra: cơ quan, tổ chức được phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn tự thực hiện.

b) Đối với phương thức kiểm tra định kỳ, đột xuất:

Cục Kế hoạch - Tài chính kiểm tra việc thực hiện, nhiệm vụ quyền hạn được phân cấp đối với các đơn vị dự toán và đơn vị sử dụng ngân sách.

Cục Quản lý Thi hành án dân sự kiểm tra việc thực hiện, nhiệm vụ quyền hạn đối với các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Cục.

4. Nội dung kiểm tra

Kiểm tra toàn diện việc tổ chức thực hiện và chấp hành quy định của Nhà nước và Bộ Tư pháp đối với thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, quản lý, sử dụng tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân cấp theo quy định tại Thông tư này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đã phê duyệt quyết định đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo thẩm quyền đã được quy định tại thời điểm phê duyệt cho đến khi kết thúc dự án. Trường hợp cần thực hiện theo thẩm quyền được phân cấp tại Thông tư này đối với các công việc chưa thực hiện thì các đơn vị đề xuất cụ thể để Cục Kế hoạch - Tài chính tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng quyết định.

2. Đối với các dự án (bao gồm cả các dự án ứng dụng công nghệ thông tin từ nguồn chi thường xuyên) đã phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, chưa phê duyệt quyết định đầu tư trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện các bước tiếp theo (bao gồm cả trường hợp điều chỉnh) áp dụng các quy định về thẩm quyền tại Thông tư này.

3. Đối với các nhiệm vụ, kế hoạch mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao (bao gồm tài sản, hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không phải điều chỉnh lại các quyết định đã ban hành trong trường hợp có sự thay đổi về thẩm quyền quyết định theo quy định tại Thông tư này. Việc thực hiện các bước tiếp theo (bao gồm cả trường hợp điều chỉnh) áp dụng các quy định về thẩm quyền tại Thông tư này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính) để được hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng; các Thứ trưởng Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Cơ quan Trung ương các Hội, Đoàn thể;
- Sở Tư pháp, THADS các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Công báo, Công Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp;
- Công pháp luật Việt Nam;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Mai Lương Khôi